TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 102/2026/QĐST-DS	*Đà Nẵng, ngày 03 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 307/2026/TLST - DS ngày 28 tháng 5 năm 2026;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N;trụ sở: số B L, phường G, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bà Võ Thị Ánh T,chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N– chi nhánh H1– P;địa chỉ: F P, phường H, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông Trần T1,sinh năm 1982; CCCD số: 048082002527 và bà Mai Thị H,sinh năm 1987; CCCD số: 048187000401; địa chỉ: Tổ A phường N, thành phố Đà Nẵng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Phước T2,sinh năm 1989; CCCD số 048089008296; địa chỉ: Thôn L, xã H, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Đặng Thị Hồng L,sinh năm 1993; CCCD số 048193005735; địa chỉ: Thôn L, xã H, thành phố Đà Nẵng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Trần T1và bà Mai Thị Hxác nhận còn nợ Ngân hàng Nsố tiền tính đến ngày 21/8/2026 là 781.844.207 đồng (*Btrăm tám mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn, hai trăm lẻ bảy đồng*); trong đó nợ gốc là 612.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 112.046.630 đồng, nợ lãi quá hạn là 56.023.315 đồng, lãi chậm trả là 1.774.262 đồng.

2.2. Phương thức và thời gian thanh toán: Ông Trần T1và bà Mai Thị Hcam kết trả toàn bộ số nợ làm 04 đợt, cụ thể:

Đợt 1: Vào ngày 21/11/2026, ông Trần T1và bà Mai Thị Hthanh toán cho Ngân hàng Nsố tiền 195.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi lăm triệu đồng*).

Đợt 2: Vào ngày 21/01/2027, ông Trần T1và bà Mai Thị Hthanh toán cho Ngân hàng Nsố tiền 195.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi lăm triệu đồng*).

Đợt 3: Vào ngày 21/4/2027, ông Trần T1và bà Mai Thị Hthanh toán cho Ngân hàng Nsố tiền 195.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi lăm triệu đồng*).

Đợt 4: Vào ngày 21/8/2027, ông Trần T1và bà Mai Thị Hthanh toán cho Ngân hàng Nsố tiền 196.844.207 đồng (*Một trăm chín mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn, hai trăm lẻ bảy đồng*) và tiền lãi tính từ ngày 22/8/2026 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nói trên theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại hợp đồng tín dụng số 2008LAV202302291, ngày vay: 27/12/2023.

2.3. Trường hợp ông Trần T1và bà Mai Thị Hvi phạm bất kỳ bất kỳ đợt trả nợ nào thì Ngân hàng Ncó quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền nợ còn lại.

2.4. Trường hợp ông Trần T1và bà Mai Thị Hvi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1605, tờ bản đồ số 15, tại địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện , thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK496508, số vào sổ cấp GCN: CH05582 do Ủy ban nhân dân huyện Hcấp ngày 14/6/2012 đứng tên ông Trần Phước T2.

3. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Buộc ông Trần T1 và bà Mai Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.636.884 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng Nsố tiền tạm ứng án phí 17.538.266 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005636 ngày 27/5/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

- Buộc ông Trần T1và bà Mai Thị Hcó trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận :
- Viện KSND Khu vực 4;
- Phòng THADS Khu vực 4;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Phạm Phú Đạt